

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 38/2022/ĐTCT-KC-4.0/19-25

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-BKHHCN ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình KH&CN KC-4.0/19-25 bắt đầu thực hiện từ năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3582/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHÚNG TÔI GỒM:**1. Bên đặt hàng (Bên A):**

a) Đơn vị quản lý kinh phí: Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

- Do Ông: Trần Đỗ Đạt
- Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện (Căn cứ theo Quyết định số 45/QĐ-VPCTTĐ ngày 26/12/2022)
- Địa chỉ: Tầng 12, số 113, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 39366770 Email:
- Số tài khoản: 9527 Mã QHSDNS 1030031
- Tại: Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội

b) Đơn vị quản lý nhiệm vụ: Vụ Công nghệ cao

- Do Ông: Trần Anh Tú
- Chức vụ: Phó Vụ trưởng làm đại diện
- Địa chỉ: Tầng 8, số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 35560699 Email:

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): Trường Đại học Thái Bình

- Do Bà Trần Thị Hòa
- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng, phụ trách trường làm đại diện.
- Địa chỉ: xã Tân Bình, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Điện thoại: 0949244392 E-mail: hquynh97@gmail.com
- Số tài khoản: 3713.0.1019475.00000
- Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình.

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện đề tài

1. Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ "Nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ của công nghiệp 4.0 phục vụ quản lý, khai thác tài nguyên, môi trường vùng bờ, thí điểm tại 3 tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình" mã số: KC-4.0-38/19-25 theo các nội dung trong Thuyết minh đề tài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

2. Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

3. Thuyết minh được điều chỉnh theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Thời gian thực hiện đề tài

Thời gian thực hiện đề tài là 36 tháng, từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2025.

2. Thời gian thực hiện đề tài được điều chỉnh theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Kinh phí thực hiện đề tài

1. Đề tài được thực hiện theo hình thức: Khoán chi từng phần.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài là 5.870 triệu đồng (bằng chữ: Năm tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: là 5.870 triệu đồng (bằng chữ: Năm tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng).

+ Kinh phí khoán: 4.975 triệu đồng (bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

+ Kinh phí không giao khoán: 895 triệu đồng (bằng chữ: Tám trăm chín mươi lăm triệu đồng).

- Kinh phí từ nguồn khác: 0 đồng (bằng chữ: không đồng).

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

- Mức tạm ứng kinh phí lần đầu không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện Đề tài được duyệt từ ngân sách nhà nước và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước năm được cấp có thẩm quyền giao.

- Điều kiện để cấp kinh phí các đợt tiếp theo chỉ thực hiện đối với đề tài đã thanh toán tối thiểu bằng 50% số dư tạm ứng kinh phí của các đợt trước đó, trừ những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được ký kết tại Hợp đồng;

c) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của đề tài có nguồn kinh phí của Bên A;

d) Trừ lần cấp kinh phí đầu tiên, những lần cấp kinh phí tiếp theo trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện đề tài của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng, hồ sơ, chứng từ chi cho các công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh (bao gồm cả nguồn khác) để xem xét cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện đề tài theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện đề tài;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện đề tài, bàn giao kết quả thực hiện đề tài cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của đề tài và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện đề tài (nếu có);

m) Trình cấp có thẩm quyền xem xét, ủy quyền việc thực hiện đăng kí bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Bên B đối với kết quả thực hiện của đề tài (nếu có) theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và khoa học, công nghệ;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu đã được ký kết tại Hợp đồng;

b) Kí hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm đề tài và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của đề tài;

c) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

d) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện đề tài theo quy định của pháp luật;

đ) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

e) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

g) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

h) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện lựa chọn nhà thầu trong mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu, đảm bảo đúng mục tiêu, chất lượng, chủng loại, hiệu quả của việc mua sắm tài sản phục vụ yêu cầu của nhiệm vụ.

i) Tiếp nhận kinh phí được cấp cho đề tài theo Hợp đồng đã kí kết; tự giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định chi tiêu, về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ chi theo quy định hiện hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện đề tài của các cơ quan có thẩm quyền và thanh toán kinh phí đã tạm ứng với Bên A theo quy định của pháp luật;

k) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với đề tài theo quy định của pháp luật;

l) Thực hiện việc tự đánh giá hoặc nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc đề tài. Sau khi tự đánh giá hoặc nghiệm thu cấp cơ sở, hoàn chỉnh lại hồ sơ, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền đối với kết quả nghiên cứu (nếu có).

n) Báo cáo tiến độ thực hiện đề tài theo quy định của pháp luật.

o) Chịu trách nhiệm về chất lượng nội dung, công việc, sản phẩm hoàn thành theo Thuyết minh;

p) Thực hiện công khai thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng quy định của pháp luật theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

q) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước và/hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu trong toàn bộ quá trình triển khai đề tài sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

r) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

s) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện đề tài tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

t) Công bố kết quả thực hiện đề tài sau khi được Bên A cho phép;

u) Chủ nhiệm đề tài cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong đề tài và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện đề tài theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

v) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện đề tài;

s) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện đề tài theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

y) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã kết thúc, được nghiệm thu và hoàn tất thủ tục theo quy định.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu đề tài quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện đề tài.

5. Bên B không thực hiện đầy đủ việc báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bên A trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ lần yêu cầu đầu tiên.

6. Bên B chủ động đề nghị dừng thực hiện đề tài vì lí do chính đáng.

7. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc đề tài không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện đề tài mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng.

Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức Bên B phải hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách đã sử dụng đối với đề tài được khoán chi từng phần; phải hoàn trả tối thiểu 40% kinh phí ngân sách đã sử dụng đối với đề tài được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Đối với đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện đề tài và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới, thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 Điều 5 Hợp đồng này thì xử lý tài chính thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Đối với đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Hai bên thống nhất rà soát danh mục tài sản hình thành trong quá trình thực hiện của đề tài. Trong trường hợp cần thiết hai bên lập hợp đồng bổ sung về phương án xử lý tài sản trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 “Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước” và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi kết thúc đề tài 12 tháng.

2. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho đề tài được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Trường hợp thay đổi mục tiêu, sản phẩm của đề tài phải ký Phụ lục Hợp đồng.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thoả thuận trong Hợp đồng thì có trách

nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tranh chấp tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

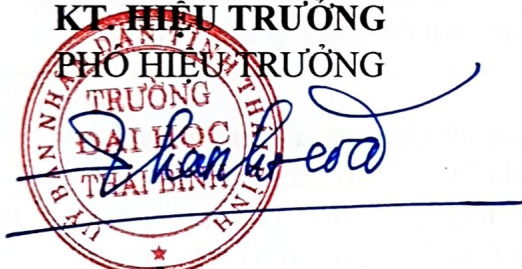
Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2022. Hợp đồng này gồm 29 trang bao gồm cả Phụ lục, được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 6 bản, Bên B giữ 4 bản./.

Bên B

(Bên nhận đặt hàng)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Hòa

Bên A

(Bên đặt hàng)

VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Đỗ Đạt

VỤ CÔNG NGHỆ CAO
KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Trần Anh Tú

Số: 409../QĐ-ĐHTB

Thái Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh, bổ sung các cá nhân tham gia thực hiện
nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, mã số: KC-4.0-38/19-25

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017 của Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-BKH&CN ngày 27/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình KH&CN KC-4.0/19-25;

Căn cứ Hợp đồng số 38/2022/ĐTCT-KC-4.0/19-25 ngày 26/12/2022 được ký giữa Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Vụ Công nghệ Cao với Trường Đại học Thái Bình về việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia "Nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ của công nghiệp 4.0 phục vụ quản lý, khai thác tài nguyên, môi trường vùng bờ, thí điểm tại 3 tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình", mã số KC-4.0-38/19-25;

Căn cứ đơn đề nghị của Chủ nhiệm nhiệm vụ, mã số KC-4.0-38/19-25;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung 02 Phó Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, mã số KC-4.0-38/19-25, gồm:

- Ông Phạm Quốc Thành, Hiệu trưởng, trường Đại học Thái Bình;

- Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt, Phó Hiệu trưởng, trường Đại học Thái Bình. *JA*



Điều chỉnh, bổ sung một số cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ bao gồm: Thư ký khoa học, thư ký hành chính, thư ký tài chính, thủ quỹ, kế toán đề tài, các thành viên chính và thành viên. (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Phó Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ nhiệm nhiệm vụ và Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình; tổ chức triển khai thực hiện các công việc đảm bảo đúng tiến độ, mục đích và nội dung theo Thuyết minh đề tài đã được phê duyệt. Các cá nhân khác thực hiện theo sự phân công của Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm nhiệm vụ và Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Thư ký nhiệm vụ; Trưởng các đơn vị: Kế hoạch - Tài chính, Khoa học Công nghệ và Hợp tác phát triển và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VP, KHCN&HTPT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Quốc Thành



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số ~~401~~.../QĐ-ĐHTB ngày ~~12~~. tháng ~~4~~. năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

1. Bổ sung Phó Chủ nhiệm nhiệm vụ

Bổ sung 02 Phó Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, mã số KC-4.0-38/19-25:

- PGS. TS. Phạm Quốc Thành, Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình;
- TS. Phạm Thị Ánh Nguyệt, Phó Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình.

2. Thay đổi Thư ký khoa học

Thay đổi Thư ký khoa học từ ông Nguyễn Tuấn Anh - Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Bộ Tài nguyên môi trường sang ông Lê Thanh Hùng - Trường Đại học Thái Bình.

3. Thành viên chính

3.1. Bỏ các thành viên chính (04 người):

- TS. Cáp Xuân Tú, Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;

- ThS. Võ Xuân Hùng, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- TS. Lê Minh, Hội Trắc địa - Bản đồ và Viễn thám Việt Nam;
- TS. Nguyễn Khắc Bằng, Trường Đại học Thái Bình.

3.2. Điều chỉnh thành viên chính sang thành viên (04 người):

- KS. Nguyễn Tuấn Anh, Cục Công nghệ Thông tin - Bộ Tài Nguyên và Môi trường;

- ThS. Hoàng Phương Bắc, Trường Đại học Thái Bình.
- ThS. NCS. Cù Kim Long - Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông,

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

- GS. TSKH. Phạm Hoàng Hải - Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

3.3. Bổ sung các thành viên chính (09 người):

- PGS.TS. Phạm Gia Như, Trường Khoa học máy tính - Đại học Duy Tân;

- PGS.TS Lê Đắc Như, Trường Đại học Hải Phòng;

- TS. Bùi Quang Hưng, Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN;

- PGS.TS. Nguyễn Việt Nghĩa, Trường Đại học Mỏ Địa chất;

- TS. Nguyễn Văn Dũng, Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- TS. Vương Hồng Nhật, Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- TS. Đặng Kinh Bắc, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội;

- GS. TS. Nguyễn Văn Kim, Trung tâm Biển và Hải đảo - Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. *th*



- PGS. TS. Phạm Văn Thủy, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Thành viên

4.1. Bộ các thành viên (03 người):

- Ông Nguyễn Quốc Sỹ, Trường Đại học Thái Bình (Đã nghỉ hưu);
- Bà Viên Thị An, Trường Đại học Thái Bình (Đã nghỉ hưu);
- Bà Đỗ Mai Cam, Trường Đại học Thái Bình.

4.2. Chuyển từ chủ nhiệm sang thành viên (01 người):

Bà Nguyễn Thị Kim Lý chuyển vai trò từ chủ nhiệm nhiệm vụ sang vai trò thành viên.

4.3. Bổ sung các thành viên và nhiệm vụ cho thành viên (08 người):

- ThS. Bùi Anh Tuấn - Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- TS. Phạm Thanh Huyền - Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Hạ Long;
- TS. Phạm Nghĩa Luân, Trường Đại học Hải Phòng;
- PGS. TS. Đỗ Phan Thuận, Đại học Tôn Đức Thắng;
- ThS. Nguyễn Thị Hoa (Phòng KH-TC) - Trường Đại học Thái Bình - Thành viên, Kế toán đề tài;
- ThS. Phạm Quỳnh Hương - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội - Thành viên, Hỗ trợ thanh toán;
- TS. Trần Đăng Trung - Trường Đại học Thái Bình, Thư ký hành chính;
- Bổ sung nhiệm vụ Thư ký tài chính, Thủ quỹ cho thành viên Nguyễn Thị Hương, Trường Đại học Thái Bình.

DANH SÁCH

CHỦ NHIỆM, PHÓ CHỦ NHIỆM, THƯ KÝ KHOA HỌC, THƯ KÝ HÀNH CHÍNH, THƯ KÝ TÀI CHÍNH, THỦ QUỸ, KẾ TOÁN ĐỀ TÀI, THÀNH VIÊN CHÍNH VÀ THÀNH VIÊN THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA, MÃ SỐ KC-4.0-38/19-25 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH)

Stt	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
I.	CHỦ NHIỆM, PHÓ CHỦ NHIỆM, THƯ KÝ KHOA HỌC, THÀNH VIÊN CHÍNH		
1.	TS. Trần Hữu Anh	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Trường Đại học Thái Bình
2.	PGS. TS. Phạm Quốc Thành	Phó Chủ nhiệm nhiệm vụ	Trường Đại học Thái Bình

² Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

Stt	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
3.	TS. Phạm Thị Ánh Nguyệt	Phó Chủ nhiệm nhiệm vụ	Trường Đại học Thái Bình
4.	ThS. Lê Thanh Hùng	Thư ký khoa học	Trường Đại học Thái Bình
5.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên chính	Cục Đo đạc Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài Nguyên và Môi trường
6.	PGS. TS. Nguyễn Chấn Hùng	Thành viên chính	Viện kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
7.	PGS.TS. Phạm Văn Hải	Thành viên chính	Viện Công nghệ thông tin và truyền thông, ĐHBK HN
8.	PGS.TS. Phạm Gia Như	Thành viên chính	Trường Khoa học máy tính - Đại học Duy Tân
9.	PGS.TS Lê Đắc Nường	Thành viên chính	Trường Đại học Hải Phòng
10.	TS. Bùi Quang Hưng	Thành viên chính	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN
11.	PGS.TS. Nguyễn Viết Nghĩa	Thành viên chính	Trường Đại học mỏ địa chất
12.	TS. Nguyễn Văn Dũng	Thành viên chính	Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
13.	TS. Vương Hồng Nhật	Thành viên chính	Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
14.	TS. Đặng Kinh Bắc	Thành viên chính	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
15.	GS. TS. Nguyễn Văn Kim	Thành viên chính	Trung tâm Biển và Hải đảo - Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
16.	PGS. TS. Phạm Văn Thùy	Thành viên chính	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

la

Stt	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
II. THÀNH VIÊN, THƯ KÝ HÀNH CHÍNH, THỦ QUÝ, KẾ TOÁN ĐỀ TÀI			
17.	ThS. Bùi Anh Tuấn	Thành viên	Viện Địa lý – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
18.	TS. Phạm Thanh Huyền	Thành viên	Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Hạ Long
19.	TS. Cù Kim Long	Thành viên	Trường Công nghệ thông tin và truyền thông, Đại học Bách Khoa Hà Nội
20.	GS. TSKH. Phạm Hoàng Hải	Thành viên	Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
21.	KS. Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Cục Công nghệ Thông tin - Bộ Tài Nguyên và Môi trường
22.	TS. Phạm Nghĩa Luân	Thành viên	Trường Đại học Hải Phòng
23.	PGS. TS. Đỗ Phan Thuận	Thành viên	Đại học Tôn Đức Thắng
24.	ThS. Nguyễn Tiến Đồng	Thành viên	Đại học Bách khoa Hà Nội
25.	KS. Phạm Văn Dương	Thành viên	Đại học Bách khoa Hà Nội
26.	CN. Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	Đại học Bách khoa Hà Nội
27.	CN. Nguyễn Thị Hải Hà	Thành viên	Đại học Bách khoa Hà Nội
28.	KS. Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên	Đại học Bách khoa Hà Nội
29.	KS. Đinh Xuân Trường	Thành viên	Đại học Bách khoa Hà Nội
30.	KS. Phạm Trung Dũng	Thành viên	Đại học Bách khoa Hà Nội
31.	TS. Nguyễn Thu Nhung	Thành viên	Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam
32.	TS. Đoàn Văn Chinh	Thành viên	Học viện Kỹ thuật Quân sự
33.	ThS. Trần Văn Thuận	Thành viên	Chi cục Biển và Hải đảo, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh
34.	ThS. Vũ Hồng Phương	Thành viên	Chi cục Biển và Hải đảo, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh
35.	TS. Nguyễn Thị Kim Lý	Thành viên	Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình
36.	ThS. Hoàng Văn Ngoạn	Thành viên	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình
37.	ThS. Trần Thị Huyền	Thành viên	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình
38.	CN. Nguyễn Văn Nhã	Thành viên	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình
39.	KS. Bùi Thị Sen	Thành viên	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình

Stt	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
40.	ThS. Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình
41.	ThS. Đào Xuân Hiệu	Thành viên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình
42.	ThS. Vũ Hải Long	Thành viên	Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình
43.	ThS. Đinh Văn Cao	Thành viên	Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình
44.	KS. Tô Phương Dung	Thành viên	Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình
45.	ThS. Trần Văn Cường	Thành viên	Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình
46.	ThS. Nguyễn Vũ Dũng	Thành viên	Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình
47.	ThS. Hoàng Minh Giang	Thành viên	Chi cục Thủy sản, Sở NN&PTNT tỉnh Thái Bình
48.	ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình
49.	TS. Trần Thị Hòa	Thành viên	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Bình
50.	TS. Vũ Thị Dung	Thành viên	UBND tỉnh Thái Bình
51.	TS. Đặng Nguyên Mạnh	Thành viên	Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình
52.	TS. Nguyễn Văn Hiến	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
53.	TS. Hà Văn Đông	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
54.	ThS. NCS. Vũ Thị Vân	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
55.	ThS. Nguyễn Thị Hoa (Khoa KT&QT)	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
56.	ThS. Lê Văn Hoàn	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình

Stt	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
57.	ThS. Nguyễn Như Hoa	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
58.	ThS. Phạm Thị Bích Phượng	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
59.	ThS. Vũ Hải Thúy	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
60.	TS. Vũ Thị Thanh	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
61.	ThS. Trần Thị Thanh Hương	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
62.	ThS. Phạm Tô Minh Tuấn	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
63.	ThS. Phan Thị Lệ	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
64.	ThS. Nguyễn Thái Hà	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
65.	ThS. Phạm Thị Quỳnh	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
66.	ThS. Phạm Thị Thanh Giang	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
67.	ThS. Đào Thị Phương Thúy	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
68.	ThS. Nguyễn Thị Sinh	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
69.	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
70.	ThS. Nguyễn Tiến Cương	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
71.	ThS. Nguyễn Trung Tiến	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
72.	ThS. Trần Thị Thu Hương	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
73.	CN. Đào Huy Hải	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
74.	CN. Nguyễn Hải Nam	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
75.	ThS. Trần Thu Hà	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
76.	ThS. Đặng Gia Dũng	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
77.	ThS. Trần Minh Hải	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
78.	ThS. Ngô Thị Ánh Hằng	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
79.	ThS. Đặng Văn Hữu	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
80.	ThS. Đào Thị Mỹ Linh	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
81.	ThS. Nguyễn Thúy May	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
82.	ThS. Đàm Đức Cường	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
83.	ThS. Đào Thị Mơ	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
84.	ThS. Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
85.	ThS. Nguyễn Thị Bảo Thư	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
86.	ThS. Vũ Thanh Hải	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
87.	TS. Trần Thị Thu Hương	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
88.	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
89.	TS. Trần Công Thức	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
90.	ThS. Nguyễn Ngọc Hiến	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
91.	ThS. Lê Nam Hải	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
92.	ThS. Bùi Thanh Thủy	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
93.	ThS. Hoàng Phương Bắc	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
94.	ThS. Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
95.	CN. Nguyễn Anh Quân	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
96.	ThS. Trần Văn Thiện	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
97.	ThS. Nguyễn Đức Thiệu	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
98.	ThS. Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	Trường Đại học Thái Bình
99.	CN. Nguyễn Thị Hường	Thành viên, Thư ký tài chính,	Trường Đại học Thái Bình

Stt	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
		Thủ quỹ	
100.	ThS. Nguyễn Thị Hoa (Phòng KH-TC)	Thành viên; Kế toán đề tài	Trường Đại học Thái Bình
101.	TS. Trần Đăng Trung	Thành viên; Thư ký hành chính	Trường Đại học Thái Bình
102.	ThS. Phạm Quỳnh Hương	Thành viên, Hỗ trợ thanh toán	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 975 /VPCTTĐ-THKH
V/v thay đổi chủ nhiệm của đề tài cấp
quốc gia, mã số KC-4.0-38/19-25

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Trường Đại học Thái Bình

Phúc đáp Công văn số 410/ĐHTB-KHCN&HTPT ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Quý Trường về việc đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia “Nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ của công nghiệp 4.0 phục vụ quản lý, khai thác tài nguyên, môi trường vùng bờ, thí điểm tại ba tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình”, mã số: KC-4.0-38/19-25. Được sự chấp thuận của Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước (VPCTTĐ) xin được thông báo như sau:

1. Ghi nhận việc Trường Đại học Thái Bình thực hiện thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ “Nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ của công nghiệp 4.0 phục vụ quản lý, khai thác tài nguyên, môi trường vùng bờ, thí điểm tại ba tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình”, mã số: KC-4.0-38/19-25 theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Văn bản này được bổ sung vào hồ sơ của nhiệm vụ trên làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện và nghiệm thu, quyết toán.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CNC (để p/h);
- BCN KC-4.0/19-30 (để p/h);
- Phòng TC-KT (để t/h);
- Lưu: VT, THKH.

GIÁM ĐỐC

Đào Ngọc Chiến